

# CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

## Bài 6

Sự dịch chuyển của các yếu tố sản xuất và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

Fulbright School of Public Policy and Management

October 2022

Ari Kokko

Copenhagen Business School

# Bài học trước

Chủ đề “mới”: Các doanh nghiệp không đồng nhất trong thương mại quốc tế

- Điều gì quyết định xuất khẩu ở cấp doanh nghiệp?
  - Quan điểm từ kinh doanh quốc tế
  - Quan điểm từ kinh tế quốc tế
- Các trung gian thương mại
- Các hiệp định thương mại tự do và ưu đãi thuế quan

# Bài học hôm nay

Các yếu tố sản xuất chính: lao động, vốn, công nghệ

- Sự dịch chuyển của lao động
  - Chuyện gì sẽ xảy ra khi mọi người di chuyển?
- Sự dịch chuyển của vốn
  - Tác động của thị trường vốn quốc tế
- Sự dịch chuyển của công nghệ
  - Các hạn chế của thị trường tri thức
- Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
  - Lao động, vốn và công nghệ gộp chung với nhau

# Chuyển dịch lao động: động cơ và hệ quả

- Vì sao người lao động di chuyển?
  - Thoát chiến tranh, ngược đãi, thiên tai
  - Nghèo đói
  - Cơ hội tốt hơn
- Tác động của chuyển dịch lao động
  - Cân bằng giá của yếu tố sản xuất
  - Tăng trưởng kinh tế và phát triển (cả ở nơi đi và nơi đến?)
    - Kiềm hổi, di cư trở về, mạng lưới
  - Các tác động xã hội và chính trị

# Chuyển dịch vốn: động cơ

- Động cơ là khác biệt trong suất sinh lợi
  - Động cơ lợi nhuận
  - Điều chỉnh kinh tế vĩ mô/quản lý mất cân bằng tài khoản vãng lai
- Phát triển kinh tế
  - Khả năng tiết kiệm trong nước bị hạn chế ở nền kinh tế đang phát triển
- Đa dạng hóa
  - Giảm thiểu rủi ro (vd. các quỹ hưu trí)

# Chuyển dịch vốn: hệ quả

- Tăng trưởng và phát triển
  - Các nền kinh tế đang phát triển có thể đầu tư nhiều hơn so với tiết kiệm trong nước
  - Các nền kinh tế có tiết kiệm lớn có thể nhận được suất sinh lợi cao hơn và
- Ổn định kinh tế vĩ mô
  - Mất cân bằng tài khoản vãng lai tạm thời sẽ dễ quản lý hơn hoặc
- Bất ổn kinh tế vĩ mô
  - Dòng vốn ngắn hạn có tính đầu cơ
  - Kể cả những dòng vốn dài hạn cũng có thể cạn kiệt
  - Vai trò của kỳ vọng và mức độ đáng tin cậy của chính sách

# Chuyển dịch công nghệ

- Chuyên môn hóa công nghệ và dòng chảy công nghệ giữa các nước
  - Không nền kinh tế nào có thể tự cung tự cấp trong tất cả lĩnh vực công nghệ
- Phần lớn công nghệ nằm trong hàng hóa và các dịch vụ thương mại
  - Và trong sự dịch chuyển của lao động có chuyên môn, hợp tác học thuật, nghiên cứu khoa học, hợp tác R&D giữa các doanh nghiệp
- Nhưng thị trường của công nghệ/tri thức thương mại không vận hành hiệu quả lắm

# Những thiếu sót của thị trường tri thức

- Chi phí giao dịch trong thị trường tri thức quốc tế rất cao. Rất khó để bán một công nghệ thương mại (hoặc bất kỳ tri thức nào có thể dùng để kiếm tiền) với mức giá sòng phẳng vì
  - Thông tin bất cân xứng
  - Rủi ro về hành vi cơ hội
- Vấn đề với thông tin bất cân xứng và chủ nghĩa cơ hội có thể được giải quyết bằng các hợp đồng giao kèo cực kỳ chi tiết
  - Nhưng soạn thảo và giám sát các hợp đồng này rất tốn kém, đặc biệt là nếu bên bán và bên mua không ở cùng một địa điểm
- Thị trường quốc tế của công nghệ thương mại rất hạn hẹp.



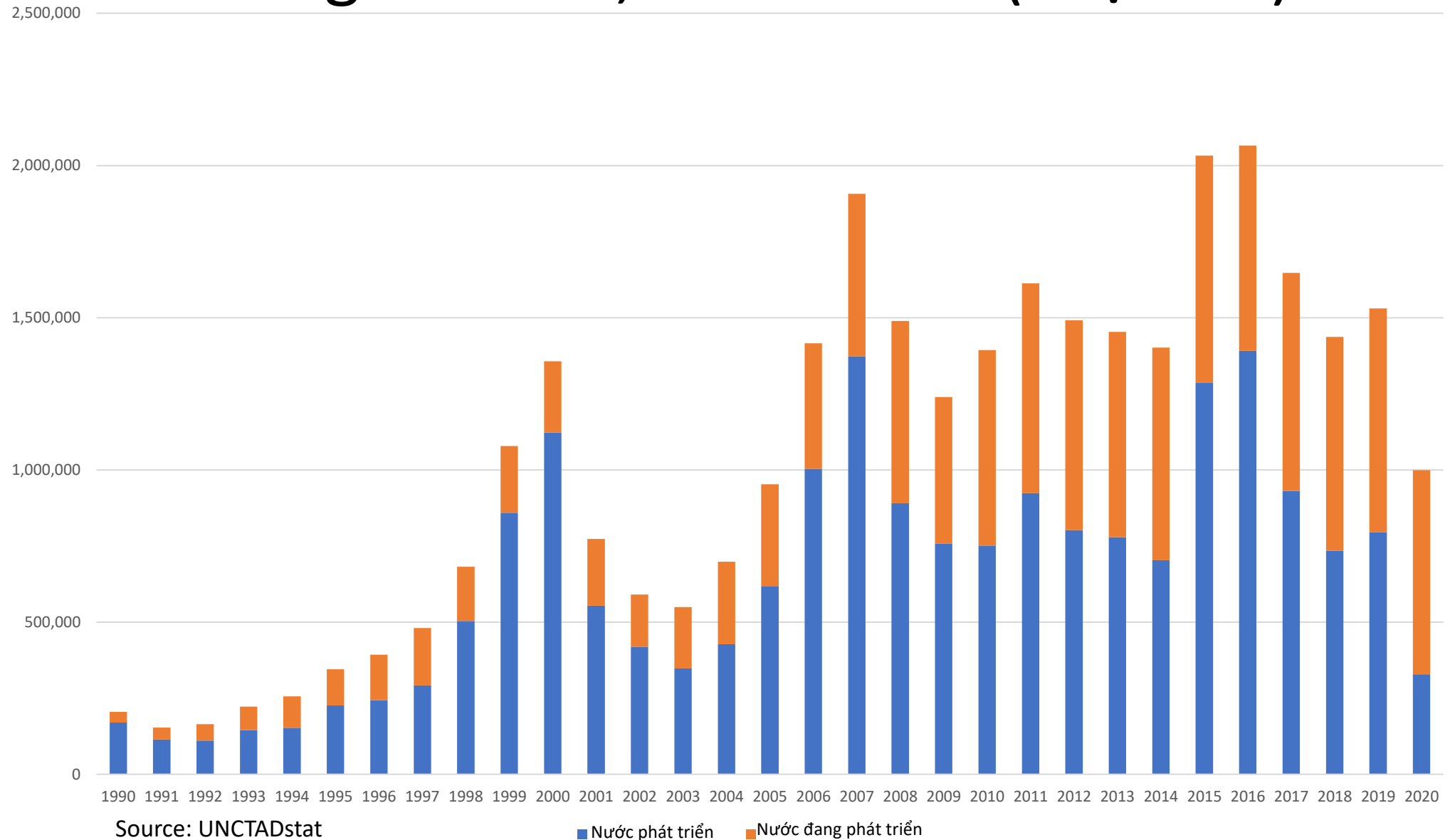
# Giải pháp cho những thiếu sót của thị trường tri thức

- Thay vì bán công nghệ, chủ sở hữu thường quyết định ***nội bộ hóa*** việc khai thác công nghệ.
  - Công ty có thể kiếm được lợi nhuận cao hơn bằng cách mở rộng hoạt động sang thị trường nước ngoài thay vì bán công nghệ
  - Mở rộng ra nước ngoài có thể ở dưới hình thức xuất khẩu hoặc các hình thức ***đầu tư trực tiếp từ nước ngoài*** (FDI) khác nhau
- Một số lý do cụ thể để tham gia vào FDI thay vì chỉ xuất khẩu

# Một số động cơ của FDI

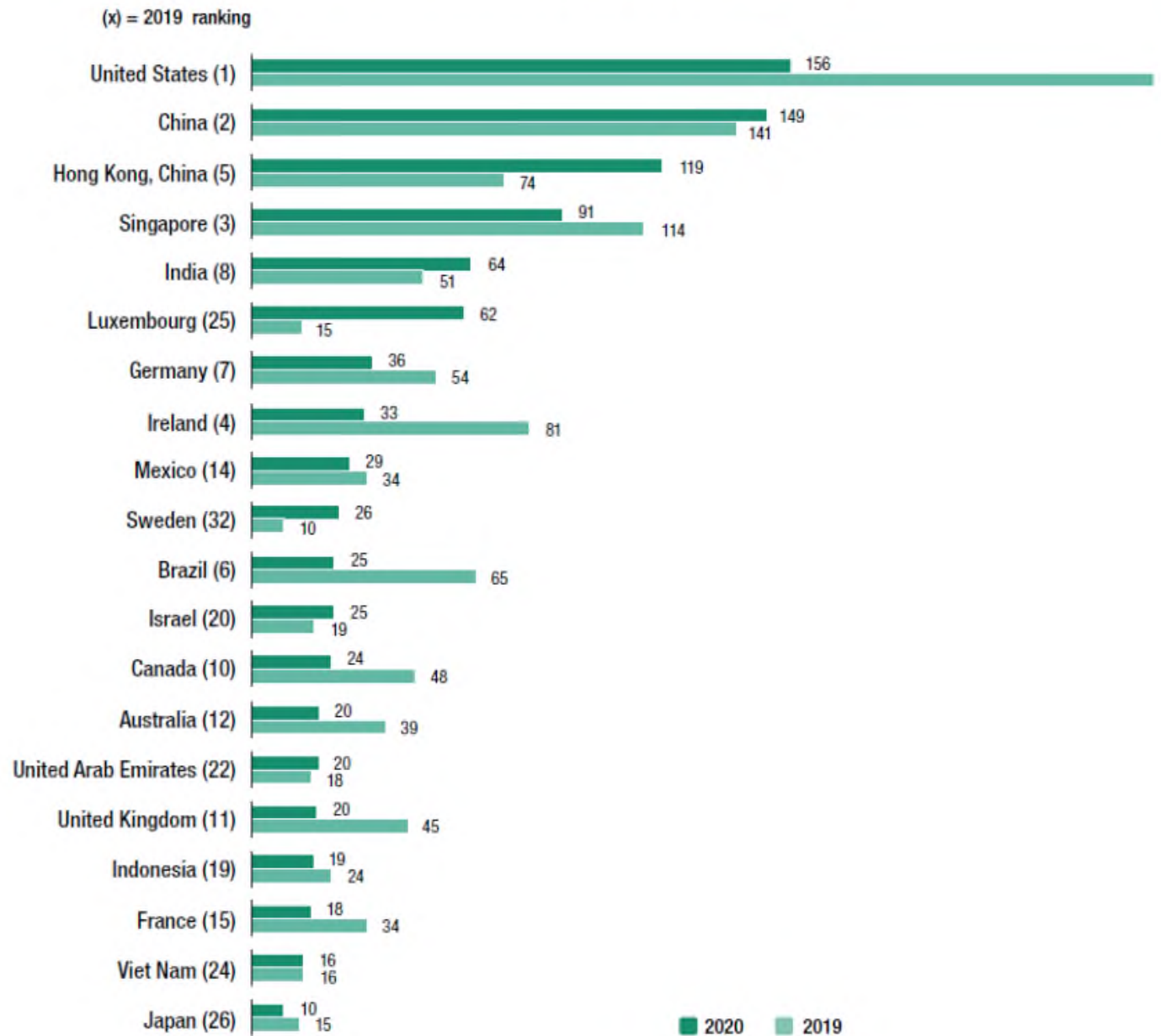
- FDI tìm kiếm thị trường
- FDI tìm kiếm nguồn lực
- FDI tìm kiếm hiệu suất
- FDI tìm kiếm các tài sản chiến lược

# Dòng vốn vào, 1990-2020 (triệu đô)



## 20 nền kinh tế thu hút FDI hàng đầu

Figure I.5. FDI inflows, top 20 host economies, 2019 and 2020 (Billions of dollars)



# Các nguồn vốn từ bên ngoài tại các nền kinh tế đang phát triển, giai đoạn 2009-2018

(đơn vị: tỷ đô)



Source: UNCTAD, based on KNOMAD (for remittances), UNCTAD (for FDI), IMF World Economic Dataset (for portfolio investment and other investment) and OECD (for ODA).

Note: Remittances and ODA are approximated by flows to low- and middle-income countries, as grouped by the World Bank.

# Các chỉ số chung của FDI và kinh doanh quốc tế (BUSD)

| Item                                         | Value at current prices (Billions of dollars) |                                   |                    |                      |                      |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
|                                              | 1990                                          | 2005–2007<br>(pre-crisis average) | 2014               | 2015                 | 2016                 |
| FDI inflows                                  | 205                                           | 1 426                             | 1 324              | 1 774                | 1 746                |
| FDI outflows                                 | 244                                           | 1 459                             | 1 253              | 1 594                | 1 452                |
| FDI inward stock                             | 2 197                                         | 14 496                            | 25 108             | 25 191               | 26 728               |
| FDI outward stock                            | 2 254                                         | 15 184                            | 24 686             | 24 925               | 26 160               |
| Income on inward FDI <sup>a</sup>            | 82                                            | 1 025                             | 1 632              | 1 480                | 1 511                |
| Rate of return on inward FDI <sup>b</sup>    | 4.4                                           | 7.3                               | 6.9                | 6.2                  | 6.0                  |
| Income on outward FDI <sup>a</sup>           | 128                                           | 1 101                             | 1 533              | 1 382                | 1 376                |
| Rate of return on outward FDI <sup>b</sup>   | 5.9                                           | 7.5                               | 6.4                | 5.7                  | 5.5                  |
| Cross-border M&As                            | 98                                            | 729                               | 428                | 735                  | 869                  |
| Sales of foreign affiliates                  | 5 097                                         | 19 973                            | 33 476             | 36 069 <sup>c</sup>  | 37 570 <sup>c</sup>  |
| Value added (product) of foreign affiliates  | 1 073                                         | 4 636                             | 7 355              | 8 068 <sup>c</sup>   | 8 355 <sup>c</sup>   |
| Total assets of foreign affiliates           | 4 595                                         | 41 140                            | 104 931            | 108 621 <sup>c</sup> | 112 833 <sup>c</sup> |
| Exports of foreign affiliates                | 1 444                                         | 4 976                             | 7 854 <sup>d</sup> | 6 974 <sup>d</sup>   | 6 812 <sup>d</sup>   |
| Employment by foreign affiliates (thousands) | 21 438                                        | 49 478                            | 75 565             | 79 817 <sup>c</sup>  | 82 140 <sup>c</sup>  |
| <i>Memorandum</i>                            |                                               |                                   |                    |                      |                      |
| GDP <sup>e</sup>                             | 23 464                                        | 52 331                            | 78 501             | 74 178               | 75 259               |
| Gross fixed capital formation <sup>e</sup>   | 5 797                                         | 12 431                            | 19 410             | 18 533               | 18 451               |
| Royalties and licence fee receipts           | 29                                            | 172                               | 330                | 326                  | 328                  |
| Exports of goods and services <sup>e</sup>   | 4 424                                         | 14 952                            | 23 563             | 20 921               | 20 437               |

Source: ©UNCTAD.

# Tác động của FDI lên nền kinh tế của nước thu hút đầu tư?

**Nhiều yếu tố quyết định, khác biệt giữa các trường hợp phụ thuộc vào:**

- Cấp độ phân tích (ở doanh nghiệp hay toàn bộ nền kinh tế)
- Loại ngành nghề (khai khoáng/chế biến chế tạo/dịch vụ/cơ sở hạ tầng)
- Động cơ (nguồn lực/thị trường/năng suất/tìm kiếm tài sản chiến lược)
- Hình thức gia nhập/vận hành (vd. Đầu tư mới vs. Thu mua)
- Định hướng thay thế nhập khẩu vs. Phục vụ xuất khẩu
- Đặc điểm của nước sở tại (nhận đầu tư) (trình độ phát triển, cấu trúc nền kinh tế và cấu trúc ngành, năng lực hấp thụ, các chính sách, ...)
- Đặc điểm của nước đi đầu tư (trình độ phát triển, các thông lệ chuyển giao công nghệ, chiến lược doanh nghiệp, hệ thống kinh doanh, ...)

# Các hiệu ứng của nước thu hút đầu tư

- Chuyển giao nguồn lực
  - *Hiệu ứng lan tỏa*
- Hiệu ứng cạnh tranh và chống cạnh tranh
  - *Hiệu ứng lấn át*
- Thương mại và cán cân thanh toán
- Chủ quyền và tự chủ



# Chuyển giao nguồn lực

- FDI với vai trò một nguồn vốn
  - Một số dòng vốn vào có liên quan đến đầu tư ban đầu
    - Nhưng hầu hết các dự án đầu tư được huy động trong nước và lợi nhuận được gửi về bản quốc
    - Và FDI là một loại vốn đắt đỏ
- FDI với vai trò nguồn lực công nghệ
  - Công nghệ sản xuất được thống trị bởi các tập đoàn đa quốc gia
  - FDI = lan tỏa công nghệ sang nước chủ nhà
  - Hiệu ứng lan tỏa thậm chí khi chuyển giao công nghệ không phải là mục đích chính
    - Nhưng công nghệ của các tập đoàn đa quốc gia có phù hợp?

# Hiệu ứng lan tỏa

- Khi hiệu suất hoặc năng suất của doanh nghiệp trong nước cải thiện nhờ doanh nghiệp nước ngoài gia nhập thị trường và doanh nghiệp nước ngoài không nội bộ hóa các lợi ích
- Các kênh lan tỏa
  - Thể hiện (minh họa)
  - Cạnh tranh
  - Liên kết
  - Chuyển dịch lao động

# Hiệu ứng lan tỏa

- Khác biệt giữa các nước và các ngành với tầm quan trọng của lan tỏa
  - Doanh nghiệp trong nước không phải lúc nào cũng tận dụng được cơ hội: cần phải có năng lực hấp thụ (và động cơ)
  - Hành vi của các tập đoàn đa quốc gia rất khác nhau: các tập đoàn này hòa nhập hay vận hành trong những ốc đảo?
  - Phương pháp nghiên cứu: dữ liệu chéo hay dữ liệu bảng?
    - Thời gian là điều quan trọng. Các tác động tiêu cực ban đầu biến mất dần theo thời gian khi các doanh nghiệp nội địa hoạt động kém hiệu quả biến mất.

# Tác động cạnh tranh và chống cạnh tranh

- Các ngành nghề mà các tập đoàn đa quốc gia có khuynh hướng gia nhập thường có mức độ tập trung và thông đồng đặc trưng
  - Các doanh nghiệp trong nước mới gia nhập không có khả năng thay đổi cấu trúc của ngành
  - Các tập đoàn đa quốc gia gia nhập sẽ kích thích cạnh tranh, nâng suất và phát triển
- Nhưng các tập đoàn đa quốc gia mạnh hơn và có rủi ro là họ sẽ tạo dựng liên minh của riêng mình và tạo dựng thế độc quyền trong thị trường
  - Chính sách trong nước rất quan trọng. Ít rủi ro hơn với môi trường thương mại cởi mở

# FDI và sự sống còn của doanh nghiệp trong nước

- Sự gia nhập của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ ảnh hưởng đến cung, cầu và giá – doanh nghiệp trong nước đối diện với cạnh tranh khốc liệt hơn.
  - Các doanh nghiệp trong nước yếu hơn sẽ không thể nắm bắt các lợi ích từ hiệu ứng lan tỏa và sẽ bị đẩy ra khỏi thị trường
  - Các tác động có thể xảy ra từ FDI theo chiều ngang và FDI theo chiều dọc
    - FDI thượng nguồn (upstream) thay đổi giá/chất lượng của hàng hóa trung gian; FDI hạ nguồn (downstream) thay đổi cầu sản phẩm
- Kokko and Tran (2014), Foreign Direct Investment and the Survival of Domestic Private Firms in Vietnam”, *Asian Development Review*, 31:1, 53-91

# Tác động với cán cân thanh toán

- Niềm hy vọng lớn lao rằng FDI sẽ giảm bớt các hạn chế của cán cân thanh toán (BoP)
  - FDI phục vụ xuất khẩu và FDI thay thế nhập khẩu đều giúp đem về (hoặc tiết kiệm) ngoại tệ và cải thiện BoP.
- Nhưng các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài thường phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu
  - Môi trường chính sách trong nước định hình động lực và tiềm năng của sản xuất nguyên liệu đầu vào trong nước và tái đầu tư

# Tác động tới chủ quyền và tự chủ

- Sự phụ thuộc nhiều vào các nhà đầu tư nước ngoài có thể phải trả giá đắt
  - Các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài sẽ ưu ái nước bản quốc
  - Ví dụ về việc tập đoàn đa quốc gia can thiệp vào chính trị trong nước
    - Cụ thể, DNNN của nước ngoài có thể hành xử rất kỳ quặc...
- Nhưng sở hữu quan trọng như thế nào nếu FDI tạo ra công ăn việc làm và nguồn thu cho thuế?

# Các tác động khác

- FDI có thể đặc biệt giá trị khi nguồn lực trong nước không được dùng đến
- Căn bệnh Hà Lan?
- Ngoại tác tiêu cực từ FDI, vd. Ô nhiễm môi trường?
- Chủ nghĩa đế quốc văn hóa và các hành vi tiêu dùng “không phù hợp” – Camel, Heineken, và Yves St. Laurent ở các nước nghèo?
- FDI tạo ra sự phụ thuộc vào vốn nước ngoài



# Tác động trực tiếp và gián tiếp của FDI

## Tác động trực tiếp

- Vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý/tổ chức
- Công ăn việc làm (thường với mức lương cao)
- Tăng năng suất và kỹ năng
- Thu ngân sách
- Thu ngoại tệ (nếu xuất khẩu)

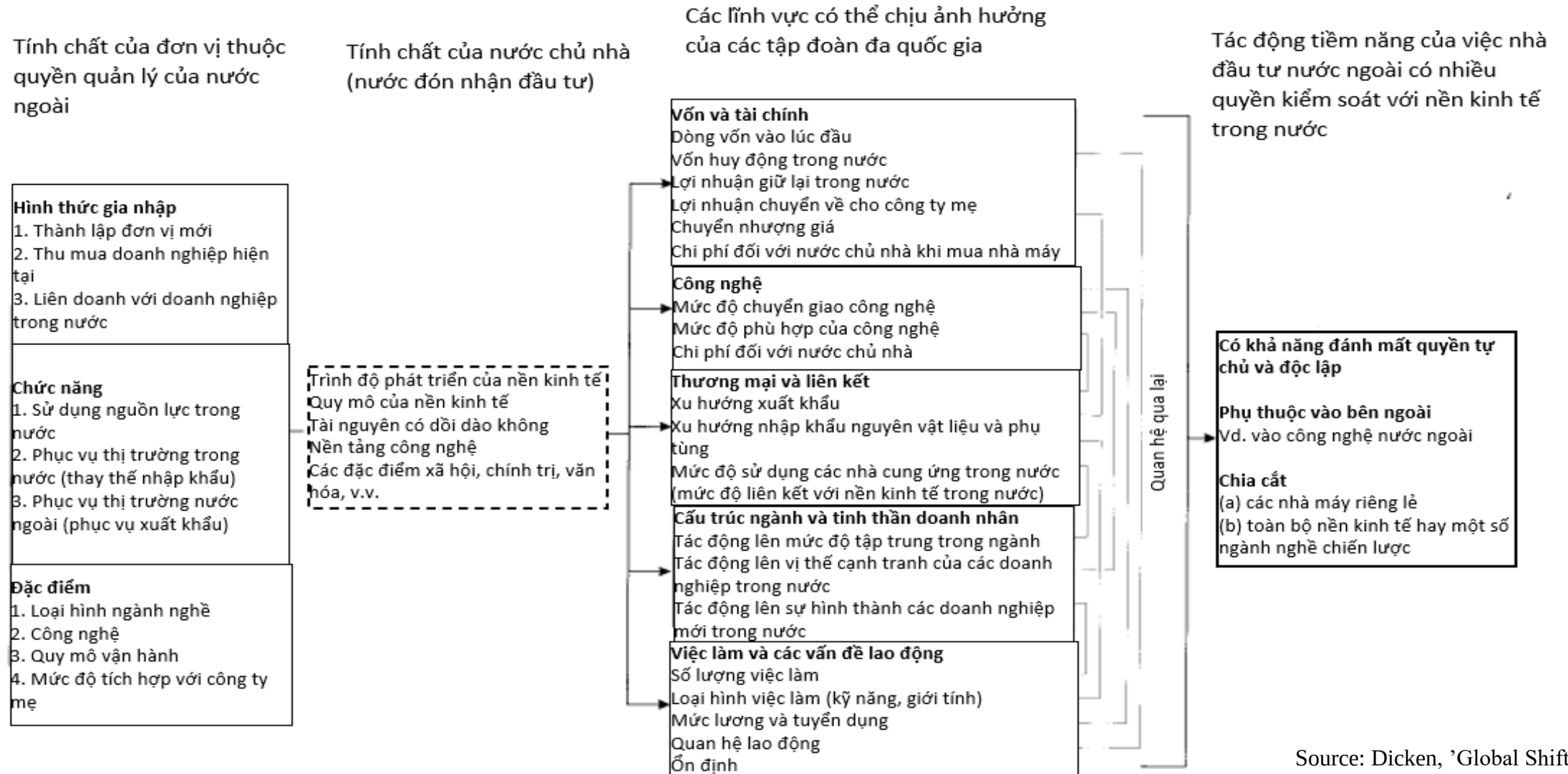
## Tác động gián tiếp (hiệu ứng lan tỏa)

- Lan tỏa công nghệ và tri thức (theo chiều ngang vs. chiều dọc)
- Nâng cấp các nhà cung ứng
- Luân chuyển nhân lực
- Tác động thể hiện
- Tác động cạnh tranh

**DIRECT**

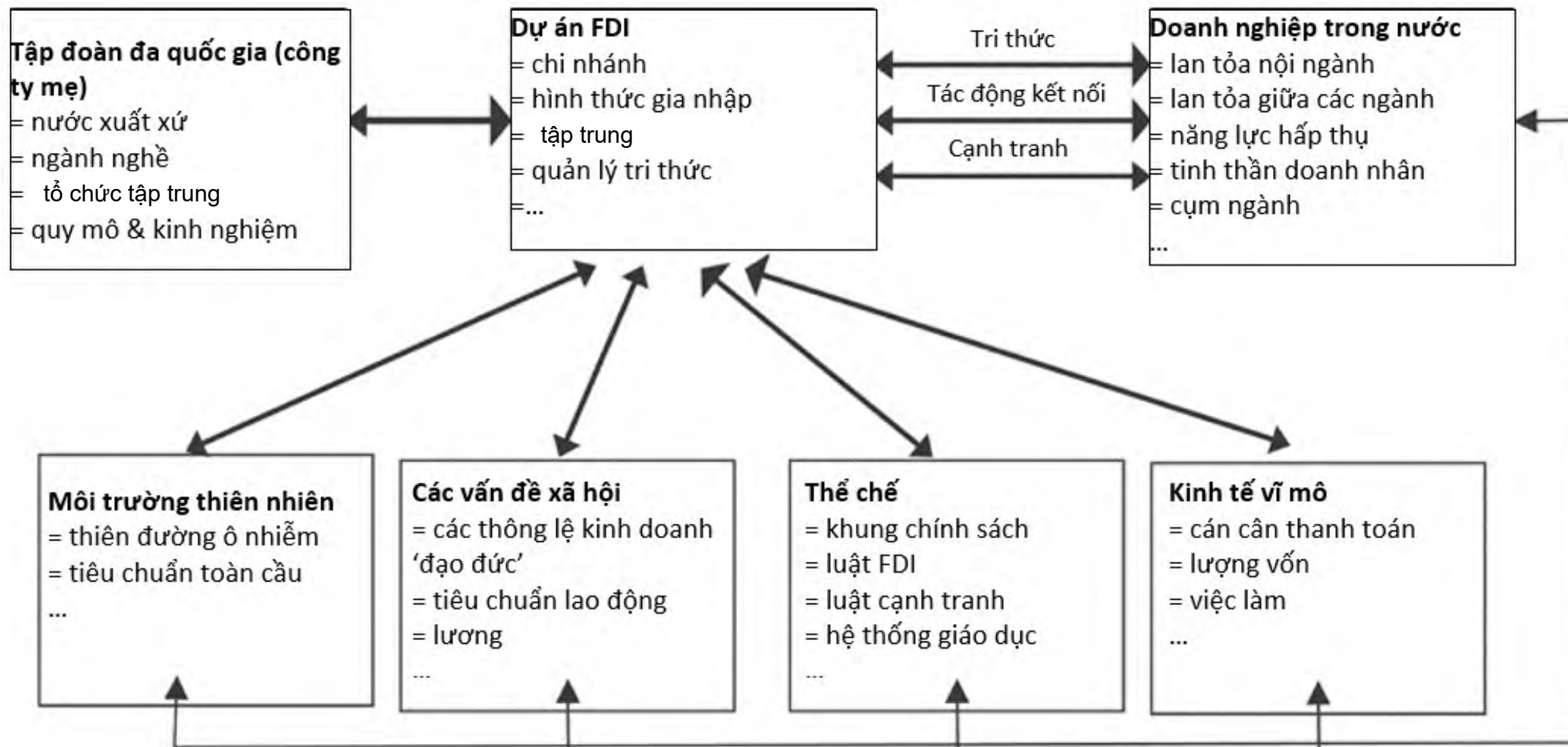
**INDIRECT**

# Tác động tiềm năng của các tập đoàn đa quốc gia đối với nền kinh tế sở tại



Source: Dicken, 'Global Shift'

# Khung lý thuyết của tác động FDI tại các nền kinh tế mới nổi



# Kết luận sơ bộ: các tác động của FDI

- Tác động đa dạng đối với nước sở tại
  - Việc làm và thuế
  - Công nghệ và năng suất: tác động trực tiếp (công nghệ mới) và hiệu ứng lan tỏa
  - Chèn lấn: đối với các doanh nghiệp trong nước không có khả năng thích ứng
- Các tác động đối với các nước kém phát triển nhất
  - Vốn đầu tư
- Các khía cạnh chính trị và đạo đức có thể là thách thức